

1000 cuốn sách
1000 cuốn sách

nguyễn khai

thương để thì cười

1000 cuốn sách



nguyễn khai tác phẩm nhà xuất bản trẻ
bookstoretrere.com

Thượng đế thì cười

Nguyễn Khải

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Tailieu.vn

Chương 1

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Con người suy nghĩ còn Thượng đế thì cười.

(Ngạn ngữ Do Thái, theo lời dẫn của Milan Kundera trong Diễn văn Zérusalem - Nguyễn Ngọc dịch)

Hắn không thể tin được đã sang tuổi bảy mươi lại phải đối mặt với những câu hỏi hết sức vô lý, buồn cười, chỉ có thể hét lên vì giận dữ chứ không thể trả lời. Tại sao hắn phải trả lời, người hỏi đã không có cái quyền được hỏi thì việc gì hắn phải trả lời. Nhưng hắn vẫn không thể không trả lời vì người hỏi là vợ hắn, là người bạn đời từ năm hắn mới ngoài hai chục tuổi, đã ăn ở với nhau gần hết một đời người, đã có con chết con sống, con sống đứa lớn đã ngoài bốn chục tuổi, đứa nhỏ đã ba mươi tuổi, lớn hơn năm hắn làm bạn với mẹ nó những ba tuổi. Năm mới về tạp chí hắn mới hăm năm tuổi, anh Thanh Tịnh khoảng ngoài bốn mươi, anh Văn Phác, chủ nhiệm tạp chí cũng mới ba mươi, anh Chính Hữu trẻ hơn một tuổi mới hai mươi chín. Nếu thằng con đầu của hắn còn sống thì nó đã bốn mươi tư tuổi. Nói thế, tức là vợ chồng hắn đã ăn ở với nhau lâu lắm, cùng sống hết một thời, gần hết một kiếp lại chưa đủ để hiểu nhau ư? Chẳng lẽ từng ấy năm tháng sống bên nhau mà chưa thể là một sao? Hắn và vợ còn là một cặp vợ chồng may mắn, chưa từng phải xa nhau lâu, ngay trong những năm có chiến tranh hắn vẫn đi đi về về, chưa hề ở một chiến trường nào dài quá hai tháng. Còn thời đó nhiều cặp vợ chồng phải xa nhau năm, bảy năm, cả chục năm cũng là chuyện thường. Có một sĩ quan của quân chủng hải quân, từ năm 1960 đã nhận nhiệm vụ chuyển vũ khí vào Nam bằng đường biển trên những con tàu không số, đi về vài chuyến rồi mất tích. Đã có giấy báo tử, vợ đã đi lấy chồng khác, đã có một con với người chồng mới thì người chồng cũ đột ngột hiện ra ở khuôn cửa căn hộ tập thể, tóc bạc, da nhăn, chân tay lòng không giống hệt ông bố chồng lúc con trai vào chiến trường. Mười lăm năm đã trôi qua, một đời người đã trôi qua. Với người chồng cũ, người vợ cùng sống mới có dăm năm, còn với người chồng mới họ đã sống với nhau gần mười năm. Vậy mà người đàn ông đến sau sẵn sàng từ bỏ hạnh phúc đang có, tự nguyện ra đi để người ở chiến trường về được bù đắp mọi mất mát. Cặp vợ chồng tái hồi ấy đã sống rất yên ấm bên nhau cho đến tận bây giờ. Cái đạo làm người của một thời cũng đẹp nhỉ, rất đẹp. Còn vợ chồng hắn suốt bốn mươi lăm năm chưa một lần ăn tết lẻ loi, năm ăn tết ở Hà Nội, năm ăn tết ở nơi sơ tán, trong chiến tranh mà lúc nào cũng cặp kè bên nhau

nhìn bà con trong xóm cũng ngượng. Đã vui lẻ là không thể vui hoàn toàn, vẫn cứ phải lén lút thế nào, chả lẽ giữa cảnh chia ly của nhiều nhà lại trưng ra cái cảnh đoàn tụ, cứ như những kẻ đã tách khỏi cộng đồng. Vậy mà tới tuổi già, cả vợ lẫn chồng đã biến hoá thành hai cái túi xương thịt dãn deo, dúm dó, người vợ còn hỏi chồng: "Anh có còn yêu tôi không? Anh có định ruồng bỏ tôi không?" Câu hỏi thì vô lý và buồn cười nhưng người hỏi thì đau đớn, nghiêm trang, mắt nhìn tuyệt vọng như kẻ vừa bị tuyên án tử hình. Lần đầu hẳn nghe câu hỏi ấy liền trả lời nửa đùa nửa thật: "Bà nghĩ tôi với bà còn ở tuổi đôi mươi à? Bà đã lẫn rồi à?" - "Anh đừng nói thế, tôi chưa lẫn, tôi hỏi thật đấy". Mặt hẳn đã cứng lại: "Sao lúc trẻ không hỏi, nay đã sắp xuống lỗ mới hỏi. Tôi có chung thuỷ với bà hay không thì bà cũng biết, gần nửa thế kỷ sống với nhau lại còn chưa đủ để biết sao?" Người vợ vẫn nhìn hẳn bằng lòng mắt đã đục bạc, cặp môi nhăn nhúm tím lợt run khe khẽ: "Thuở trẻ anh không thế, về già đốc chứng nên mới thế, tôi không nói vu cho anh đâu". Chồng bảy chục, vợ sáu mươi lăm, thời trẻ sống với nhau chả ai phải nghi ngờ lòng chung thuỷ của ai, bây giờ sắp chết lại giở trò ghen tuông bóng gió! Cứ như một chuyện hài, một trò hề, không dè lại có ngày là chuyện đau đầu của chính hẳn! Hẳn vốn thích cười, thích nói đùa, thích thăm thì vào tai bạn bè nhiều nhận xét ngộ nghĩnh về những hành vi buồn cười, những cảnh ngộ dễ bật cười của người này người kia, cũng là những cái cười hiền lành, thư giãn chứ không có ác ý, nếu đương sự có nghe được cũng đành cười rồi bỏ qua. Nhưng cái thẳng hay gây cười rồi cũng có lúc trở thành trò cười của thiên hạ, bạn bè đã đe thế, nhưng hẳn vẫn cười vì tự nghĩ mình là người biết cách lui tới đời nào chịu làm bung xung để người khác có dịp chọc cười. Mà hoá ra đã từng là một nhân vật gây cười, khi diễn trò thì không tự biết, năm tháng qua đi nghĩ lại mới thấy tức cười. Vậy mà bạn bè lại không nở cười, chỉ trách nhẹ, thì ra các vị ấy còn thương hẳn thật. Ấy là hai lần xuất chính của một thẳng nhà văn vốn được khen là không hám danh. Cả hai lần hẳn đều thất bại, mặt mũi lem luốc vì từ chỗ quyền lực chui ra làm sao còn giữ được gương mặt sạch. Người khác bôi lem mặt mình, tự mình cũng vẽ bậy vẽ bạ lên mặt mình, như thẳng hề, lại còn nghĩ không ai biết mình đã là hề nên mới dám lên mặt thuyết lý về tâm hồn, về đạo đức, cả về lý tưởng để có được những tác phẩm văn chương để đời! Nó buồn cười là ở chỗ ấy. Nhưng cái buồn cười ở chốn ba quân, nói gì thì nói, mình chỉ là một vai diễn cùng với nhiều vai diễn khác, dẫu là buồn cười thì vẫn có nhiều tiếng vỗ tay, có cả tiếng la hét nên có cái say, cái xuất thần khoảnh khắc của vai diễn, nên mới nói được nhiều câu rất tâm huyết, rất chân thành, nếu ngồi vài người mà thốt lên những lời lẽ đó thì xấu hổ chết được. Đó là cái buồn cười không tự biết, vì tự mình cũng chưa lần nào dám nhìn thẳng vào cái nghịch lý ấy để thấy hết được tính hài hước của nó. Có lẽ vì hẳn là người đã từng làm trò cười trong vai diễn hào hứng của mình, tự thấy mình là người rất quan trọng nên vui

lắm, nói nhiều hơn, cười nhiều hơn, da thịt như nở ra vì sự mãn nguyện nên không chỉ đóng vai một lần, còn tiếp tục tình nguyện đóng vai những hai lần, lần sau còn ê chề hơn lần trước, tất nhiên lúc hết vai cũng hơi buồn, cũng hơi xấu hổ, mà nói cho cùng cũng chả có gì đáng xấu hổ, có phải chỉ có một mình hăn tự ra sân khấu, tự múa may mà bảo phải xấu hổ. Riêng lần này thì ngay từ lúc bắt đầu đã thấy nực cười rồi, vì cái trái nghịch, cái vô lý đã được bày ra một cách trơ trẽn, chả có một cái nhân danh đẹp đẽ nào che đậy cả. Chả lẽ nhân danh cái tình yêu vĩnh cửu, già rồi, sắp chết rồi vẫn không trốn khỏi những trói buộc của mình yêu. ở người già hăn chỉ chấp nhận những mối tình ân nghĩa, sự hàn nôi, sự bù đắp những cơ hội bị trượt đi thời họ còn rất trẻ. Như mối tình bị trượt đi của bà chị hăn với ông anh rể muộn mắn. Có cái gì rất lặng lẽ, rất ngậm ngùi làm nên cái ý vị riêng trong chút hạnh phúc vớt vát lúc cuối đời. Vợ hăn vừa mếu máo vừa nói: "Lúc nào tôi cũng yêu anh, lúc nào tôi cũng sợ mất anh!" Giọng nói đã thiếu não, cái nhìn càng thiếu não, là cái nhìn tuyệt vọng của một người đã gần mất cả chỗ bám víu cuối cùng. Nhưng sao lại có thể nghĩ được thế nhỉ? Tuổi ba mươi có thể lo sợ sẽ mất hết nếu bị chồng ruồng bỏ. Còn ở tuổi bảy mươi người chồng đã gần như vô nghĩa nếu như họ muốn ra đi. Vì ở tuổi già người đàn bà chỉ cần biết có con với cháu thôi. Mà cái thằng đàn ông là hăn cũng chỉ tha thiết có con với cháu. Nếu như con trai hăn lại nói: "Con rất yêu bố, con rất sợ bị mất bố", thì hăn phải xúc động cả nhiều ngày sau. Vì con cái với tuổi già là tất cả, nó bỏ mình tức là cả cuộc đời của mình đã rời bỏ mình. Ở nó mình đã nuôi trồng chăm bón bằng tất cả máu huyết của mình, tất cả hãnh diện và hy vọng một đời, chúng nó quay lưng lại thì mình chỉ còn là cái túi rỗng rách chứ còn gì nữa. Cũng như tình yêu với tuổi trẻ là tất cả. Tuổi trẻ có thể chết vì sự tan vỡ của một cuộc tình. Ấy là nói cái thời sự lãng mạn còn chi phối toàn xã hội. Còn ở thời này tất cả đã là sự tính toán rất tinh táo, thì mất một mối tình chàng trai hay cô gái chỉ buồn nhiều lắm khoảng một tháng, có bao nhiêu trò chơi rất công nghiệp sẽ bù đắp nhanh chóng khoảng trống ấy. Tiếng kêu rất não nuột của người vợ chỉ làm hăn kinh ngạc và thương hại. Nghĩ lại một chút còn hơi buồn cười. Cái buồn cười bao giờ cũng nảy sinh từ sự trái nghịch. Người đã già lại thốt ra những lời yêu đương của bọn trẻ là dễ buồn cười vì nó không thuận tai. Người đã già lại cố có những biểu hiện của tuổi thanh niên, bước đi nhảy nhót, mắt mũi đong đưa, nói năng ỏn ẻn lại càng dễ gây cười vì nó vừa nghịch tai vừa nghịch mắt. Trong cái trò chơi ghen tuông lạc điệu nếu một người bật cười phẩy tay đứng lên thì trò chơi lập tức chấm dứt. Mọi màn hài kịch sẽ sớm chấm dứt nếu một người trong cuộc chột nhận ra cái buồn cười của thân phận phẩy tay bước ra. Nhưng hăn đã không bật cười, không phẩy tay đứng lên mà lại tự trói mình bằng những lời thanh minh dài dòng, càng nói càng mất bình tĩnh, càng giống một người có tội thật đang cố gắng tự biện hộ. Và tấn hài kịch gia đình không những không thể

chấm dứt ngay mà còn kéo dài tới hai năm sau, tới tận bây giờ.

TaiLieu.vn

Chương 2

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Người bảy mươi tuổi lại phải đối mặt với một nghịch cảnh, thoát nghĩ là chuyện buồn cười, chuyện trẻ con, muốn chấm dứt lúc nào cũng được, không dè cứ phải dần sâu vào mãi, mỗi ngày một trầm trọng thêm, mỗi ngày càng tự làm mình hao mòn đi, tự đánh mất mình đi, và có lúc đã nghĩ chỉ có cái chết mới tự giải thoát được. Một đời người lại được kết thúc bằng cách ấy thì buồn cười lắm, oan uổng lắm. Với hẳn vẫn tự xem là người biết lui tới, luôn luôn tìm được lối thoát trong mọi thế kẹt thì cái tình huống hiện tại còn là một đòn trừng phạt rất cay nghiệt, rất đáng đời, một tiếng cười dài trong những trò chơi bất tận của thượng đế. Bởi vì hẳn là một thằng đàn ông rất lãnh đạm, rất nhạt nhẽo trong địa hạt tình yêu những năm còn trẻ thì lại bị vu là có ngoại tình lúc đã về già; là người thích lý lẽ, lý lẽ trong văn chương, lý lẽ trong ứng xử thì lại va đầu vào sự câm lạng và điếc đặc trước mọi lý lẽ; là người thích sống bằng sự tinh táo thì lại bị bọc chặt bởi sự phi lý khiến hẳn dần dần cũng trở nên ngu muội. Như người bị nhấc khỏi môi trường sống quen thuộc quăng vào một môi trường sống rất khác lạ, trong đó hẳn bị tước đoạt mọi kinh nghiệm, mọi thói quen, mọi phán đoán, kể cả cái lợi khí vẫn giúp hẳn vượt qua mọi trở ngại là ngôn ngữ cũng hoá ra bất lực. Tức là hẳn đã rơi vào một hoàn cảnh mà tất cả đều đối nghịch với hẳn, đều trở thành khắc tính, thậm chí một nửa của hẳn cũng thù ghét với cái nửa còn lại. Cứ như đang bị đuổi bắt trong một giấc mơ mà kẻ đuổi bắt mình không rõ hình thù là người hay là vật, là người sơ hay kẻ thân, là đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ. Chỉ là một cái khối luôn thay đổi hình dạng dồn đuổi mình, và hẳn do bản năng tự vệ cứ thế chạy, cũng chả hiểu sao lại phải chạy nhưng nếu không chạy thì hẳn sẽ bị tan biến trong nó, thành chính nó, trở thành một phần tử của cái khối khủng khiếp ấy. Nhưng dẫu sao thì hẳn vẫn cứ chạy được, dưới mặt đất cùng đường thì hẳn vọt bay lên, bao giờ cũng bay cao hơn, bay xa hơn cái khối sát nhân một quãng. Trong nhiều giấc mơ dài ngắn từ trẻ đến già hẳn hay bị vây bủa trong những tình huống bị mất danh dự đến tột cùng. Chẳng hạn như ăn nằm với một người đàn bà xa lạ và bị bắt quả tang. Hoặc lấy cắp tiền và cũng bị bắt quả tang. Trong đời một người đàn ông hẳn chưa từng ân ái với một người đàn bà nào ngoài vợ hẳn. Nhưng phản bội vợ trong tưởng tượng, trong thèm muốn thì luôn luôn có, gặp một người đàn bà đẹp lớn tuổi hơn hoặc nhỏ tuổi hơn là hẳn lập tức nghĩ ngay tới những mối quan hệ bất chính dẫu biết chắc rằng sẽ không bao giờ có thể có. Những ẩn ức của đời thường đã tìm được lối thoát bằng những giấc

mơ chẳng? Nhưng cả đời hẳn chỉ phạm tội ăn cắp có một lần, lấy một cuốn truyện tại nhà thầy giáo năm còn học tiểu học. Còn khi đã trưởng thành hẳn chưa từng lấy cắp công của ai, lấy cắp danh của ai, lấy cắp tiền của ai. Riêng trong nghề văn, nói cho thật, cũng có lấy cắp một cách nghĩ, một cách nhìn, một cách viết không chỉ của một vài vị tiền bối mà còn của mấy bạn văn mới bước vào nghề. Lấy cắp của người khác chưa từng là một ám ảnh trong hẳn tại sao nó lại biến hoá vào những giấc mơ của hẳn. Chắc là cái ám ảnh phạm tội thời còn thơ ấu. Những người gây nên nỗi ám ảnh dai dẳng này lại là bố hẳn, mẹ già của hẳn, các chị hẳn và ông anh rể của hẳn. Một đời người chưa lúc nào hẳn quên được toà án gia đình ngồi quây quanh cái bàn ăn trong ngôi nhà cổ của phố Hàng Nâu, Nam Định, và cái giọng lên án lạnh lùng của ông bố: "Tại sao mày lại lấy tiền của các chị mày..." Và bà mẹ già nói nhẹ nhót trong cái nhếch mép như hơi cười: "Con thiếu tiền sao không nói với mẹ? Hay là để con cần tiền?" Những lời nói lạnh buốt ấy khiến hẳn, một thằng trẻ con mới lớn, vỡ ra thành những mảnh băng nhỏ, và cái nhúm băng nát vụn ấy ngay lập tức đã tan thành nước. Trong mấy chục giây hay lâu hơn hẳn không rõ, hẳn đã mất biến trên cõi thế gian này, đã chưa từng tồn tại, cho tới lúc bà gắt to với các cô con gái: "Có làm gì thì làm đi! Từ nay có tiền thì phải giữ!" Vì từ nay trong gia đình đã xuất hiện một thằng ăn cắp! Hẳn bàng hoàng mất mấy ngày nhưng rồi hẳn cũng vượt qua được, vì hẳn đã nhận ra cái tội của hẳn không phải tội ăn cắp mà là cái tội khó nói hơn, cái tội là con thêm con thừa, đứa con không mong đợi của một ông bố vì chót mê say thêm một người đàn bà mà có đứa con thêm này. Đó là lầm lỗi của người lớn, hẳn chả có tội gì trong cái lỗi của họ. Nửa năm sau hẳn lại bị vu là thằng ăn cắp ở nhà ông anh rể. Anh là ông chủ của một cụm cửa hàng bách hoá ở một đường phố lớn của Hải Phòng. Anh kéo hẳn vào căn phòng làm việc của anh vào một buổi sáng, nói thẳng với hẳn là hẳn đã mở cửa dắt người quen vào lấy đi một cúp-pông len ở quầy bán len dạ. Cũng vẫn cái lý lẽ, ở nhà này trước đây chưa hề mất mất bất cứ cái gì, từ ngày hẳn đến ở mới... Rồi anh giúi vào túi áo hẳn một tờ bạc một trăm, tiền Đông Dương, bảo hẳn về Hà Nội ở với mẹ chữa cho khỏi cái bệnh lở rồi anh chị sẽ gọi là ra Phòng. Trên chuyến tàu trở lại Hà Nội hẳn chả buồn một tí nào, chả xấu hổ một tí nào, vì hẳn tự biết cái tội của hẳn không thuộc về hẳn, chỉ là mưu mô của những người lớn tìm cách đuổi hẳn đi để họ khỏi gai mắt, mà mẹ hẳn cũng chả có cố gì để trách oán họ cả. Nó hư thế thì anh chị nào dám giúp, chứ không phải không muốn giúp.

Nỗi kinh hoàng bị vỡ ra, bị tan ra thành những mảnh băng nhỏ trong những giây đầu của một người lương thiện bỗng dưng bị vu là phạm tội mãi mãi hẳn sâu trong tiềm thức của hẳn, mãi mãi hẳn hải sợ mọi yếu tố có thể cấu thành tội phạm. Hẳn sợ đã vô tình đắc tội với Nhà nước, với Đảng, với tổ chức, với cả bạn

bè. Nhưng với vợ con thì không, vợ con là của riêng hần, sống cho hần, vì hần, và hần cũng đã tự nguyện hy sinh một đời mình cho họ. Có đúng thật thế không? Hình như không hoàn toàn là thế. Vợ hần đã nói trong một lần giận dữ (giận dữ vì hần cứ khăng khăng nói rằng hần không hề có ngoại tình, hần chỉ biết có vợ với con, hần phản đối mọi sự vu khống!): "Nếu anh ruồng bỏ tôi để sống với một người đàn bà khác lúc cuối đời thì tôi sẽ viết thư cho tổ chức Đảng yêu cầu khai trừ anh ra khỏi Đảng, tôi sẽ viết thư gửi các tờ báo lớn tố cáo cái bộ mặt đạo đức giả của anh cho bạn đọc cả nước biết anh là một thằng chồng phản bội, một ông bố khốn nạn, một người đáng khinh bỉ, không xứng đáng cầm bút". Thì ra vợ hần vẫn còn một chỗ dựa khác vững chắc hơn nếu bà ấy muốn loại bỏ hần, đó là tổ chức Đảng, là dư luận bạn đọc qua báo chí. Bà vẫn còn đủ sức mạnh để kết tội hần, dẫu bà chẳng có chứng cứ gì để xác minh là hần đã phạm tội. Vợ hần nói: "Tôi cần gì phải có chứng cứ, tự tôi là một chứng cứ. Ai chả biết năm còn trẻ tôi rất khoẻ mạnh rất xinh đẹp, sau mấy chục năm hầu chồng hầu con tôi mới ra nông nổi này, không còn là người nữa, là một con vật xấu xí, bệnh tật, bần thiêu như năm giê. Nên anh mới phụ tôi, mới chê tôi..." Hần vẫn còn khoẻ mạnh, vẫn là một ông già đẹp lão ngồi cạnh một bà vợ còm cõi, hai tay run rẩy, tóc bạc quá nửa, mắt luôn nhìn xuống, quả thật bố con hần hết sức có tội, chả cần chứng cứ gì thêm, chỉ thế thôi cũng đủ là người có tội, dẫu là một cái tội chưa bao giờ hần có, tội ngoại tình. Nhưng cũng chả nên trách vợ hần, vì muốn tự cứu bà phải tách khỏi hần ra, để tự do lên án cái nửa kia vốn vẫn là của riêng bà. Còn hần thì sao? Đã có nhiều trường hợp tự hần cũng phải nói ngược lại niềm tin của mình, tự kết tội mình, dẫu hần chả có tội gì cả để cứu lấy cái nghề mà hần không thể rời bỏ. Nếu hần không có tội vậy tổ chức nói sai ư? Dư luận xã hội nói sai ư? Có thể trước đó cái tội của hần còn mơ hồ, đe nẹt phòng ngừa trước chứ chưa hần đã là tội, nhưng vì hần cố cãi rằng hần không có tội, vậy cái tổ chức kết án hần có tội hay sao? Chính là sự tự biện hộ, tự bào chữa một cách ngang bướng đã khiến cái tội mơ hồ thành một tội cụ thể, tội chống đối lại tổ chức! Nên hần thường tự nhận tội trước khi tổ chức chính thức kết tội. Và lại chính hần cũng tự thấy mình là có tội, cái tội đã làm tổ chức phải phiền lòng, phải khó nói vì mình, chả lẽ như thế lại không phải là một tội sao?

Chương 3

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Tới đây hẳn muốn được rẽ ngang câu chuyện đang kể để nói rõ thêm vì nguyên do nào một người viết văn vốn sợ đụng chạm tới "quyền vua phép nước", vốn thích sống "an phận thủ thường" lại hay tự gây những tai hoạ vật. Ấy là do hẳn đã kiên quyết từ chối mọi trói buộc của nhiều quan niệm văn chương đã lỗi thời sau hai lần để lỡ trượt những cơ hội có thể viết được những tác phẩm hay. Một lần vào năm 1952, thời kháng chiến chống Pháp và một lần vào năm 1955, khi cuộc sống hoà bình ở miền Bắc vừa mới bắt đầu. Năm 1952, miền nam Nam Định được giải phóng sau hai năm bốn tháng sống trong máu me, tù đầy của một tình công giáo tự trị dưới sự giám hộ của quân đội chiếm đóng Pháp. Hẳn là người viết báo đầu tiên của quân khu có mặt ngay tại chỗ và ở liền đó cả tháng. Trong một tháng hẳn đã đến rất nhiều xã, nghe cả ngàn câu chuyện, chuyện nào cũng lạ, cũng hay, có cả trăm tình huống không một nhà văn nào có thể bịa đặt nổi, và cũng có cả trăm nhân vật hẳn được tiếp xúc không giống với bất cứ ai hẳn đã từng gặp. Có thể viết cả ngàn trang sách về những choáng váng của hẳn trước cuộc sống ngổn ngang những trái ngược, chỉ cần gọt giũa một chút là có hy vọng thành một pho sách để đời rồi. Nếu theo chân mà đóng giày không chừng còn sáng tạo được một loại tiểu thuyết mà cách kết cấu sẽ rất lạ rất mới. Rút cuộc thẳng viết báo tòi chỉ viết được có mười mẩu chuyện ngắn, vài bài phóng sự, vật liệu bền vững thì quăng đi thay vào là một thứ văn chương học trò và những tưởng tượng hết sức trẻ con. Trưởng ban Tuyên huấn, một người có bằng tú tài triết thời Pháp, bảo hẳn: "Câu kể chuyện về chuyến đi rất hay, rất lạ, có bao nhiêu là cái lạ mà viết thì dở quá. Tại sao thế?" Tạo sao ư? Tại vì hẳn đã trót đọc quá nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn của các nhà văn trước cách mạng, cái thứ văn chương ao tù, ngòi cạn của một thời làm dân thuộc địa với những hy vọng, lo lắng vật vãnh, tụn mủn của cuộc sống tẻ nhạt, không thay đổi thường ngày. Tìm ra cái đẹp để sống, để hy vọng trong cái nhạt nhẽo thường ngày là công lao không thể chối bỏ của các vị ấy, nhưng không thể dùng cái hành lang quá nghèo nàn ấy để bước vào một xã hội bắt đầu có sóng to gió lớn làm đảo lộn tất cả, cuộc sống đầy dẫy những bất ngờ, những trái ngược, khung cảnh thay đổi, lòng người thay đổi, những tiêu chí làm người của một thời giông bão cũng hoàn toàn thay đổi. Lấy cái ngăn hẹp để mặc vào cái rộng lớn làm sao vừa! Không vừa thì gọt bớt cái rộng lớn để có thể nhét gọn vào cái ngăn hẹp, vì cái ngăn hẹp là di sản văn chương duy nhất thế hệ bọn hẳn được thừa hưởng! Năm 1955, hẳn

về thôn Long Động, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương để viết về nữ anh hùng liệt sĩ Mạc Thị Bưởi. Mọi dấu vết của một làng tề thời kháng chiến hầu như còn nguyên vẹn. Còn nguyên vẹn cả cái yêu cái ghét, các mối quan hệ, các nhân vật chính và phụ, cả lời ăn tiếng nói lưỡng lự, nước đôi của một thời đêm ta ngày địch cũng chưa kịp thay đổi. Đi dọc các ngõ xóm gần như hẵn còn người thấy cả mùi tanh của máu người đã khô và mùi khét của các đám cháy vừa tàn. Được gặp một nhà báo ai cũng thích kể lại chuyện, chuyện còn tươi rói như chỉ vừa mới xảy ra, một kho tư liệu còn tươi nguyên, còn sống nguyên, còn cả cái ấm cái nóng của hơi thở mà chỉ viết được một truyện ký Người con gái quang vinh, văn của mình mà không dám đọc lại, nhìn lại cũng không dám, toàn là những chữ nghĩa mòn mỏi của một cậu học trò dốt văn! Lại tại sao thế? Là do hẵn muốn biến một cô gái Việt có tên là Mạc Thị Bưởi thành một bản sao của người con gái Nga Zoia. Mỗi dân tộc đều có cái tôn nghiêm, cái hùng vĩ của mình, có cách chiến đấu riêng và cả cách chọn lấy cái chết rất riêng. Cái rất riêng ấy mới làm nên tư tưởng, nên văn chương của một dân tộc. Cái bắt chước, cái nhái lại, cái tình nguyện làm bản sao tồi trước sau cũng sẽ bị sức sống tiềm ẩn của dân tộc loại bỏ.

Tới năm 1957, sau gần chục năm viết nháp viết thật đều thất bại, hẵn quyết định tìm cho mình một cách viết khác, tức là gạt loại mọi ý tưởng có sẵn sang một bên, quên nó đi, thâm nhập vào cái bề bộn, ngổn ngang của người và việc đang diễn ra tại một xã công giáo, cũng không có tình ý riêng, thiện cảm riêng với một loại người nào, ghi lại thật trung thành những gì mắt nhìn thấy, tai nghe thấy, cảm nhận một cách hồn nhiên những cái sai đúng, trái phải, cứ theo sự phát triển tự nhiên của mấy nhân vật chính mà viết, họ có thể phong phú hơn mà cũng có thể nghèo nàn đi, có thể họ gọi thêm nhiều suy nghĩ mới, mà cũng có thể họ đã hoà tan trong đám đông chả để lại dấu tích gì. Nhà văn chỉ là người quan sát và ghi chép chứ không còn là người giật dây những con rối của mình sau tấm màn che. Viết chương đầu hẵn vẫn chưa biết sự phát triển ở những chương giữa và nhất là ở những chương cuối, ai còn ai mất, cũng không thể và cũng không muốn đoán trước, chính tác giả cũng hồi hộp theo dõi mọi hành vi của các nhân vật thân thiết của mình, như bạn đọc, tất nhiên có lo lắng hơn bạn đọc. Vì là một cách viết thử còn nửa tin nửa ngờ nên khi đưa in trên tạp chí Văn nghệ quân đội số tháng 3 năm 1957, hẵn chỉ gọi là ghi chép và chương đầu gọi là tập I. Mãi tới năm 1959 khi in thành sách hẵn mới dám đề ngoài là tiểu thuyết. Tất nhiên nhiều bậc đàn anh trong nghề đã giễu hẵn gọi lầm thể loại, tiểu thuyết gì mà kỳ cục thế, không có cốt truyện rõ ràng, tuyến nhân vật chính cũng không rõ ràng, chỉ thấy một đám người ồn ào, nhốn nháo. Viết về đám người ồn ào quả tình là chủ đích của hẵn khi đặt bút viết, rồi từ trong đám người hỗn độn ấy mà những

gương mặt quan trọng sẽ dần dần tách ra để có những số phận riêng, nhưng là cả bạn đọc và tác giả sẽ dần dần nhận ra họ chứ không phải đã biết chắc ngay từ những trang đầu. Tiểu thuyết Xung đột được bạn đọc hoan nghênh vì tính chân thật của nó nhưng trong dư luận chính thức chỉ được công nhận là thành công có quyền I, viết về cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai hệ tư tưởng đối nghịch nhau. Còn quyền II viết về cuộc chiến rất đáng buồn giữa những người anh hùng của một thời thì bị chê là viết sai sự thật, bôi nhọ cán bộ, có cách nhìn không đúng đắn về hiện thực của một vùng nông thôn Thiên Chúa giáo. Trong các bài báo khi điểm lại những cuốn sách viết tốt trong mấy năm đều có nhắc tới Xung đột nhưng thêm cái đóng ngoặc (cuốn 1). Và một bài nói chuyện miệng tỏ ý không tán thành Xung đột (cuốn 2) của bí thư tỉnh uỷ Nam Định những năm ấy. Ngoài ra không có sự phê phán công khai nào, răn đe thêm nào.

Những năm ấy, lứa tuổi bọn hăn mới chỉ trong ngoài ba mươi, là những đảng viên cầm bút rất có tính kỷ luật. Là đảng viên thì phải chấp hành nghị quyết của Đảng nhưng còn là nhà văn lại không thể bỏ qua những đòi hỏi của nghề. Ngay từ những năm ấy hăn đã nhận ra cách tiếp nhận sự thật của người cầm quyền và người cầm bút có những điểm khác nhau. Người cầm quyền xem xét thực tế là để khẳng định một chủ trương một cách làm. Còn người viết văn thì chỉ quan tâm tới những diễn biến muôn hình vạn trạng của một chủ trương, một cách làm khi đã trở thành hành động và lo nghĩ thường ngày của quần chúng. Ví như trường hợp bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phú bị kỷ luật, bị cách chức vì muốn có một cách quản lý ruộng đất và lao động nông nghiệp hợp lý hơn, vẫn là làm ăn tập thể nhưng sáng kiến, kinh nghiệm và cả sự hăng say làm việc của người nông dân không bị trói buộc mà còn có cơ hội phát huy đến triệt để. Một chủ trương rất hợp lòng dân, được dân ủng hộ mà một Đảng vì dân lại bảo người lãnh đạo có cái chủ trương đó, có đủ tài thuyết phục một đảng bộ tin theo cái chủ trương đó, lại có đủ bản lĩnh để thực hiện thắng lợi cái chủ trương đó ở địa phương mình, một người có tài có tâm như thế lại bảo là người không trung thành với lý tưởng, là người đáng phải cách chức, phải loại bỏ là nghĩa làm sao?

Chương 4

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Những người cầm bút dễ dàng nhận lỗi, dễ dàng nhận sự phê bình của cấp trên vì việc làm của họ là việc công khai, vua biết mà người dân thường cũng biết. Vua có ý kiến của vua, dân cũng có ý kiến của dân, vua chê nhưng dân khen thì sao? Dân nhiều khi cũng hòa theo tư tưởng chính thống mà chê, vua chê còn có chừng mực vì nghĩ tới sự tôn nghiêm của mình, còn dân đã chê thì chê hết mức, chê tàn tệ, trong lời chê như có cả sát khí của gươm đao. Dầu họ bị oan lại không có cả cái quyền kêu oan nhưng họ vẫn không quá lo lắng, lòng ngay dạ thẳng việc gì phải lo lắng. Hơn nữa họ còn có thời gian kia mà. Chử nghĩa vẫn còn đấy, vài chục năm sau nó vẫn còn nguyên đấy, thời gian sẽ là người xét xử công bằng nhất, vô tư nhất cái công cái tội của một thời. Chưa hết! Với riêng hãn còn một lý do hết sức quan trọng khác khiến hãn mau mắn nhận lỗi, vui vẻ mà nhận lỗi, nhận lỗi rồi mặt mũi vẫn hơn hơn, chả có tí buồn rầu nào. Là vì cách mạng, nói cho rõ hơn là Đảng Cộng sản, vốn có ơn sâu nghĩa nặng với riêng hãn. Từ một thằng bé chử nghĩa một vốc tay, trí khôn dưới mức trung bình, lại có tính nhút nhát bẩm sinh, bị khinh rẻ, bị làm nhục từ trong gia đình, cái ngữ ấy thì làm gì cho nên nếu thời thế không thay đổi. Năm còn ở với mẹ, bố hãn còn nói: "Cái thằng này đầu óc nó làm sao ấy nhỉ?" Mẹ hãn nói buồn rầu: "Nó ngây ngô như thế sợ sau này nuôi thân cũng không nổi nói gì nuôi mẹ". Họ nói trước mặt hãn chứ không phải nói vắng mặt. Hãn còn nhớ như in câu chuyện thoáng qua giữa bố mẹ năm hãn mười hai tuổi, mới từ Hải Phòng lên Hà Nội và thuê một căn gác nhỏ của ngôi nhà 4 bis phố Résident Miribel (Trần Nhân Tông bây giờ). Ba mươi ba năm sau, hãn gặp lại bố và mẹ già tại Sài Gòn vừa được giải phóng khoảng một tuần, bố hãn nghe hãn nói chuyện, nhìn ngắm hãn cả giờ rồi bất thần bảo: "Anh khác thật đấy, khác hoàn toàn, không còn một nét gì giống ngày xưa!" Vài ngày sau có một cuộc gặp mặt một số người trong họ với hãn để nghe hãn nói một số chính sách của các nhà cầm quyền mới. Trong đó có một ông anh con cô con cậu (nhân vật Chương trong Gặp gỡ cuối năm), là bộ trưởng Bộ Quốc phòng của chính quyền Dương Văn Minh, một ông thứ trưởng cũng Bộ Quốc phòng, vốn là đại tá của đội quân vừa bại trận, một ông nguyên là đại sứ của chính quyền cũ, bạn lâu năm của gia đình, một ông anh nguyên là giáo sư trường Quốc gia Hành chánh, có cả bố hãn và vài người khác nữa. Gặp nhau để nhận họ chỉ là cái cơ để nói, còn thật bụng họ muốn được xem mặt và tiếp xúc thử với một thằng nhà báo được đào tạo từ một thể chế độc quyền về chính trị và tư

tưởng, xem nó nói năng ra sao, lý lẽ ra sao về việc nước, về việc đời để còn liệu cách ứng xử với các đồng đội, đồng chí của nó. Hẳn biết ngay cái ý tứ đó từ cái nắm tay lỏng lẻo và cái cười xã giao và hẳn cũng sẵn sàng đối trận. Hẳn tin là hẳn nhập cuộc được, nhập cuộc cũng rất ngọt ngào. Trò chuyện với các giáo sĩ của các niềm tin hẳn còn chả ngại huống hồ với mấy ông làm chính trị vốn chả có một niềm tin đích thực nào. Hẳn ngồi nghe các vị ấy ca ngợi quân giải phóng cả giờ, nào là nhân từ, nào là độ lượng, là một đội quân có kỷ luật đến kinh ngạc v.v... Hẳn chỉ nói các vị khen chúng tôi vừa vừa thôi để sau này khỏi phải chê chúng tôi quá nhiều. Rồi thì trong những tiếp xúc cụ thể người thua vẫn còn nhiều cái để sợ nên dễ hèn, người thắng vì chóng thoả mãn nên dễ kiêu, cái kiêu gặp cái hèn sẽ khó cùng tìm ra một cách làm việc cho nghiêm minh, cho công bằng. Nhiều chuyện không vui sẽ từ đó mà sinh ra. Lúc chia tay ông anh họ nói với hẳn: "Nghe các cụ bên ấy bảo thuở nhỏ cậu học hành dang dở, sau này cậu có được ra nước ngoài học thêm không?" Hẳn trả lời: "Tôi vẫn học, học trong nước thôi nhưng là học theo cách của tôi". Trong suốt mấy chục năm là nhân viên của các cơ quan tuyên huấn hẳn đã được sống với rất nhiều người tài giỏi, và họ đã dạy hẳn học, học lại văn hoá, học lại tiếng Pháp, học cả cách đọc và cách viết. Sau này hẳn cũng hay bị các ông làm tuyên huấn làm tư tưởng bẻ hành bẻ tỏi truyện này truyện kia của hẳn nhưng hẳn không hề cãi, cũng chả giận, họ vốn là thầy hẳn cả. Nhưng trò thì mỗi năm đi một xa, còn các thầy vẫn đứng nguyên một chỗ, người đã được nhìn xa làm sao thuyết phục được người chỉ quen nhìn gần, nên chỉ còn biết cười và nói: "Tôi sẽ chú ý khi viết những truyện sau". Cũng có ông anh mỉm cười tinh quái bảo hẳn: "Tao biết mày không thèm tranh cãi với tao nhưng cái việc phải nói thì tao đã nói rồi. Còn là tuỳ mày...". Nếu ông anh cho hẳn được tự do lựa chọn thì hẳn xin biết ơn lắm lắm. Lại nói tới tự do trong cái nghề rất cần tự do của bọn hẳn. Xưa nay khi ngồi trước trang giấy hẳn chưa hề băn khoăn về sự tự do trong lựa chọn đề tài và ý tưởng. Vùng cấm có ít lắm, và lại mon men quanh vùng cấm cũng có cái thú của nó. Bỏ nó sang một bên thì vẫn còn vô vàn đề tài để mình khai thác, còn vô số vùng đất để mình tự do tung hoành, cái cần nói vẫn cứ nói được, thiếu gì cách nói, càng nhiều trói buộc câu văn càng lắm ý tứ, càng lung linh, càng hay. Hẳn tìm được cho riêng mình một vùng trời tự do là do hẳn luôn tỉnh táo, biết tự kiểm chế trong cái chùng mực cả cách nghĩ lẫn cách sống, câu chữ dùng cũng chặt chẽ, dẫn dắt theo kiểu văn tuyên huấn (là nghề ruột của hẳn mà) nên mới dành được cho mình sự yên tĩnh cần thiết để làm nghề. Nhưng ngẫm cho kỹ thì được cái hôm nay lại mất cái mai sau. Là một nghệ sĩ đích thực còn phải biết mê muội trong niềm tin của mình, biết đi tới cùng cái yêu và cái ghét, là thứ văn chương rất khó chịu, đôi khi còn rất khó hiểu với người đương thời, và cả một cách sống cũng khó chấp nhận với những người xung quanh. Ngồi nói chuyện với các bậc

đàn anh Hữu Loan, Hoàng Cầm, tuy hần rất ngưỡng mộ tài thơ của các anh ấy nhưng vẫn hơi khó chịu khi tiếp xúc. Ở hần có cái sạch sẽ, cái chừng mực của một viên chức. Ở các anh ấy có mùi khét nồng, có cả mùi chua gắt của những đời người có lắm nỗi gian truân. Hình như từ nhiều chục năm nay các anh chỉ còn sống trong những mộng tưởng của một tác phẩm mãi mãi chưa hoàn thành, quên hần cái đời thời với những luật lệ, những quy tắc cần phải có. Đúng là quên thật nên người của luật lệ, của quy tắc mới ngỡ ngàng trước những người chỉ còn nhớ những gì mình tưởng tượng mãi mãi còn nguyên vẹn. Họ sống bằng tiềm thức, bằng bản năng nên chữ nghĩa của họ cũng trong suốt, thơ ngây, có sức quyến rũ của cái thế giới mình đã đánh mất. Hần ngưỡng mộ họ nhưng hần không thích kết bạn với họ mà họ cũng không thích đánh bạn với hần, rượu không biết uống, đàn bà không biết yêu, chuyện tục không biết kể, chỉ thích nói chuyện chính trị là cái họ chúa ghét, thế mà là người cầm bút viết văn! Ngay như cụ Nguyễn Tuân là ông thầy trong tâm tưởng của hần, hần cũng chỉ đứng xa nhìn ngắm cụ, ngưỡng mộ tài văn của cụ, chứ cũng không muốn làm thư đồng hầu cụ trong một chuyến đi dài. Ở các nhân vật đỉnh cao người thường rất khó nhận ra diện mạo thật của họ, cứ như họ đang sắm vai của một cái "tôi khác", đang làm các giai thoại vặt cho mọi lời nói và hành vi của mình để lưu lại cho hậu thế. Ngay với những người có cùng một dòng máu công chức với hần, hần cũng không khoái được gần gũi họ. Những cử chỉ, những lời nói dẫn dắt, mực thước ở họ khiến hần chỉ muốn bật cười, chả lẽ hần lại là người như thế, là nghệ sĩ mà có thể sống nhạt nhẽo đến thế. Nhất là các vị ấy không bao giờ quên họ là đàn anh của hần trong văn chương, là cấp trên của hần trong các cấp chức họ đã từng làm hoặc đang làm nếu như hần trong một khoảnh khắc nào đó muốn làm kẻ ngang hàng. Vậy hần thuộc loại người nào, là một viên chức đang muốn biến hoá thành một nghệ sĩ tự do, nhưng lắc lư mãi cũng chỉ biến được từng bộ phận, cái đuôi viên chức thỉnh thoảng lại lấp ló ra nếu như bạn bè luận bàn về chính trị tự do quá, luận bàn về đàn bà lỗ mãng quá, cười hét to quá, nói năng tục tĩu quá...

Tức là hần rất biết hần, cả cái hay lẫn cái dở, cái gì có thể với tới và những gì mãi mãi chỉ nên đứng xa mà nhìn để giữ được cái thanh thản trong lòng lúc cuối đời. Vậy mà lúc cuối đời hần lại là một lão già khốn khổ khốn nạn nhất, bao nhiêu vũ khí phút chốc bị tước sạch, chỉ còn lại con người trần trụi, mất mọi niềm vui, mất mọi hy vọng, tự than vãn từ sáng đến tối cho cái số phận không may của mình. Cứ như là chuyện bịa! Nhưng cái tài của hần làm sao mà bịa được một cảnh ngộ dở khác dở cười lạ lùng đến thế, lại nhận ra một cách cay đắng cái trớ trêu, cái nghịch cảnh của một kiếp nhân sinh. Đã nghĩ sẽ được nhắm nháp một hoàng hôn yên tĩnh bằng sự chuẩn bị khôn ngoan từ nhiều năm của mình, nào ngờ...

Chương 5

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Những năm kháng chiến chống Pháp đối với hấn là quãng thời gian rất đẹp và rất vui, tám năm trôi qua chỉ trong một chớp mắt. Đang sống như thẳng đây tở, bưng bát cơm ăn cũng không dám và miếng to, không dám nhai mạnh, buông cái bát không xuống nhìn nồi cơm còn đầy, thức ăn trên bàn trên mâm mới với già nửa là tiếc lắm, bỗng chốc thành người tự do, thành một chiến sĩ nhỏ tuổi, ăn tha hồ, cười nói thoải thích, chả ai ghét cả, chả ai lờm nguýt cả, lại còn được khen là ngoan, chấp hành kỷ luật tốt, chỉ như thế cũng đã được vui từ sáng tới tối rồi. Sau này đọc văn Nam Cao, hấn cứ nhớ mãi một truyện ngắn viết về một bà lão đi thăm cháu gái đang bế con cho một bà nhà giàu ở xã khác, nhớ cháu có một phần, cái chính là sẽ được ăn một bữa cơm no nên phải đến đúng lúc người ta dọn cơm. Cái cách bà lão nhìn mâm cơm dọn ra, cách cầm đũa, cách và, nhìn người khác ăn rồi lại nhìn vào nồi cơm đang với dần, nó thật quá, nhục nhã cho một kiếp người quá, nhục nhã là cái miếng ăn, các cụ xưa đã nói thế. Cứ y như hấn tự viết về hấn. Khi hấn đã già viết truyện Mẹ và các con, cái cảnh bà mẹ ngồi ăn năm chấy trước mặt khách của con trai, viết như xuất thần, như viết về chính mình cái thời còn nhỏ. Cũng như khi hấn viết về ông lão thư ký của trạm máy kéo trong Hai ông già ở Đồng Tháp Mười, trong một bữa ăn mà hấn là khách, mắt hấn cứ mờ dần đi vì nước mắt tự cái năm nào còn lưu lại và đang chảy ứa ra. Miếng ăn là miếng nhục nhưng cũng là nỗi mong đợi một ngày của người luôn luôn đói, đang phải sống nhờ, ăn nhờ, bưng bát cơm mỗi ngày ở nhà người khác. Mà ông lão vốn là một giáo sư dạy văn chương Pháp của một trường trung học, là cựu sinh viên trường đại học danh tiếng Sorbonne. Trí thức và dân nghèo, già cũng như trẻ đã phải bưng bát cơm ăn nhờ trong ngôi nhà mình sống nhờ đều có một gương mặt giống hệt nhau: nhẫn nhục, sợ hãi và thèm thường. Chính là cái nhìn thèm thường muốn vồ lấy, muốn nuốt lấy mà mặt người biến dạng. Năm 1987, nhân lễ kỷ niệm 70 năm ngày sinh của nhà văn Nam Cao tổ chức ở thành phố Nam Định, hấn có hỏi đùa chị Nam Cao: "Chị nuôi anh thế nào mà để anh đói thế?" Chị ấy cười: "Ông ấy mà đói thì còn ai no, nhà tôi đâu phải là nhà thiếu ăn!" Người không đói mà viết về cái đói hay đến thế thì sự cảm thông của nhà văn quả là hoàn toàn.

Năm 1947, trung đội Tự vệ chiến đấu của hấn đóng quân ở làng An Tảo bám dọc con đường 39 nối với đường 5, một buổi chiều, hấn từ ngoài mặt đường chạy

như thằng rồ về xóm, chả có chuyện quan trọng gì để phải chạy cả, tự nhiên thấy vui thì chạy, vừa chạy vừa nhảy. Trung đội trưởng đang ngồi ở sân đứng bật dậy, hỏi: "Có Tây à?" Hấn nhìn mọi người ngơ ngác, nói: "Không, không có gì cả!" - "Sao lại chạy như ma đuổi thế!" - "Dạ, dạ...". Bữa ấy hấn bị đồng đội xúm lại mắng một trận nên thân. Chả lẽ hấn lại nói thật, vì bỗng dưng thấy vui quá nên em chạy! Hấn có một tuổi thơ nhạt và buồn, sau này đi kháng chiến được nhìn thấy núi cao sông rộng, được đi nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều người, đôi lúc ngoái nhìn lại về cái thời chỉ vừa mới trôi qua mà đã xa xôi thăm thẳm, chả có một khoảng sáng nào để mình phải nhớ, phải tiếc, chỉ có mỗi màu xám nhờ lạng lẽ, bất động như một ngôi nhà hoang lâu ngày không có người ở. Năm Tổng khởi nghĩa là năm Hà Nội vui nhất, nhìn vào đâu cũng thấy cờ và hoa và rất nhiều báo, báo hàng ngày và hàng tuần. Cả thành phố như chột thức giấc, ồ ạt lao vào những công việc mới mẻ trong một niềm vui mênh mang. Ấy là hấn vẫn chưa được nhập cuộc, vẫn là kẻ đứng ngoài vì tuổi còn quá nhỏ, một lũ trẻ con lộc ngộc đã bỏ học từ ngày Nhật đảo chính Pháp, kéo nhau đi chơi từ sáng đến đêm, nói với nhau bao nhiêu là chuyện trên trời dưới đất, rồi mơ mộng, rồi hy vọng. Cuối năm 1949, hấn được tỉnh đội Hưng Yên cử về Mặt trận 5 để làm số báo đặc biệt cho Hội nghị Rèn Cán Chính Quân của năm tỉnh tả ngạn sông Hồng, cũng là những ngày hết sức vui. Đang là một anh viết báo litô của bộ đội địa phương được bước vào quân doanh của bộ đội chủ lực cũng để làm báo niềm vui lớn ấy khiến hấn muốn nghẹt thở. Xung quanh hấn ngòm ngợp những bộ quân phục bằng vải kaki màu vàng sáng, mũ ca lô với những ngôi sao vành vàng, rồi súng ngắn, túi bản đồ, giày ghệt, sang trọng, hào nhoáng rất giống với cái thứ văn thơ huênh hoang, hò hét của một thời. Đội quân công tử ấy cũng phải mất nhiều xương máu mới thành đội quân thiện chiến của Việt Nam. Còn cái thứ văn của hấn mà cụ Tuân đã chê một cách tế nhị là pittoresque [*] quá thì hấn phải hì hụi tẩy rửa gần mười năm mới thành câu văn của chính mình. Nghĩ lại những năm đầu của kháng chiến hấn chả tiếc cái gì chỉ tiếc đã mất đi mãi mãi cái niềm vui ngây ngô, hồn nhiên của đứa trẻ lần đầu được sống thoải thuê trong tự do.

Cũng vào dịp các phóng viên của 5 tỉnh lần đầu về phục vụ cho tờ báo của mặt trận, người phụ trách báo liền tổ chức một bữa ăn gặp mặt tại một quán cơm ở thị trấn Quỳnh Côi. Thị trấn kháng chiến, một bữa ăn kháng chiến mà có khăn trải bàn, dao nĩa, cốc tách sáng choang. Sau bữa ăn có cà phê đá với thuốc lá thơm Cotab. Suốt mười lăm năm ở Hà Nội hấn chưa được mẹ dắt vào một hiệu ăn nào cả, chỉ biết mùi vị các món xào nấu ở các bữa giỗ và mấy ngày Tết, còn chỉ là những bữa cơm xoàng xĩnh ngày thường. Nhưng vẫn được ăn no, ngay như năm đói anh em hấn vẫn được ăn đầy đủ, nhưng cơm xối thì phải qui định,

có bữa ăn hai bát, có bữa ăn một bát đầy, vì là ăn theo gạo số, mỗi bữa vẫn phải dành ra mấy lẻ gạo phòng khi Hà Nội không còn gạo. Không còn gạo thì ăn cỏ, một tờ báo đã bày cách chế biến cỏ cho người ăn. Nhưng cỏ thì mua ở đâu, nếu ăn cỏ cũng sống được thì làm sao lại có cả ngàn người, cả vạn người ở các vùng quê là nơi có rất lắm cỏ, lũ lượt kéo về Hà Nội để nằm chết ở các vỉa hè, các gốc cây, các góc phố, các gậm cầu. Hẳn sẽ còn nhớ mãi vài hình ảnh ghê rợn của cái năm đói. Vào khoảng cuối tháng 4 của năm 1945, hẳn và mấy thằng bạn rủ nhau đi học lớp vỡ lòng tiếng Nhật vì người Nhật đã thay Pháp cai trị xứ này. Lớp học buổi chiều mở ở một trường tiểu học của phố Hàng Cót. Trong vuông sân của trường đã có mấy trăm người ngồi từng nhóm như để đợi phát chẩn hay đợi đưa đi đâu đó. Có một anh thanh niên khoảng ngoài đôi mươi, mặt mũi đẹp đẽ, da thịt còn tươi, như người ở tỉnh chứ không phải ở quê, trên người anh ta không có một mảnh vải nào, trần truồng với nạm lông đen nhánh ở bụng. Anh ta cứ đi nhong nhong từ góc sân này tới góc sân khác như đang tìm một ai đó, trần truồng mà đi chả xấu hổ một tí nào, và ngay cả đám người ngồi đen đặc ở sân cũng không một ai buồn ngược nhìn anh ta, cũng không ai cất lời hoặc than hoặc mắng một câu. Thì ra cái đói đã thay đổi con người thành con vật rồi, những con vật đã quên mọi thói quen trong các mối quan hệ cái thú còn là con người. Dầu thế nào người mẹ cũng không bao giờ quên được thương con, quên sự hy sinh tất cả cho con. Đầu năm đói, gia đình hẳn dọn từ phố Miribel về phố Duvigneau (phố Bùi Thị Xuân bây giờ), bên hông nhà thương chữa mắt. Một buổi chiều có một bà mẹ khoảng ngoài ba chục tuổi tay cặp chiếu, tay cặp con đến trải chiếu ngồi ngay ở trước cửa nhà. Một lúc sau hẳn bước ra đã thấy bà ta đang mớm cháo hay cơm hẳn không rõ, cũng chỉ có một chút ở mảnh gáo dừa, chỉ thấy đứa bé ngo nguậy rồi trở ra tất cả. Bà mẹ rên lên: "Không cố ăn một chút thì chết mất, con ơi!" Khoảng nửa đêm hẳn chợt tỉnh giấc vì chợt nghe có tiếng khóc hờn con của người mẹ, tiếng khóc khàn khàn, yếu ớt, thê lương đến đứt ruột. Khoảng gần sáng thì tiếng khóc im bật, chắc người mẹ cũng đã ngủ. Sáng rõ mặt người từ lâu hẳn mới bước ra đường đã thấy mấy người phu nhật xác đang cuộn chiếu bó chặt xác cả mẹ lẫn con vớt lên xe bò. Hơn nửa năm trời đi lại trên đường phố Hà Nội người đâu cũng phảng phất cái mùi hôi khắm của các xác chết đã khô lại đen lại ở mọi góc ngách còn chưa lượm kịp đem chôn. Cứ đi một quãng lại va phải một xe bò chở xác người, các bó chiếu cuộn người xếp chồng lên nhau, mặt thì kín nhưng chân thì hở, những cẳng chân đen khô với những bàn chân có những ngón toè ra, nhìn xa như từng chùm rễ cây của các cây-xác-người. Từ trong đám xác chết đói bước ra, từ cái thân phận bị khinh rẻ bị làm nhục bước ra, nên những gian nan thiếu thốn của kháng chiến hẳn chả coi vào đâu, lúc nào cũng vui, bị anh em trong cơ quan bỏ lại tại cái lán trống giữa rừng, đứt cơn sốt ngồi chồm dậy ngờ ngác một lúc lâu mới tỉnh lại dần, thấy bụi mọt đã phủ đầy

người, phủ đầy những tấm giát nửa đã bỏ trống, tức là nằm chết ở đây đã lâu lắm, không chừng phải một hai ngày rồi vì hẳn rất đói, đói còn cào, lại dốc gạo trong bao ra, bắc nồi lên, nhìn ngọn lửa bốc cao lại thấy vui, một niềm vui bất tận, vui không duyên cớ gì, cũng không hy vọng vào bất cứ cái gì, được sống, được cất bước cùng với bạn bè là vui, kháng chiến bao năm cũng được, kháng chiến đến bạc đầu vẫn được, có bao giờ phải sống một mình đâu mà buồn, có bao giờ bị làm nhục bị bỏ đói đâu mà buồn.

Tailieu.vn

Chương 6

Trong hai năm 1954 và 1955, không có ngày nào, tháng nào rơi vào quên lãng vì mỗi ngày đều có cái hồi hộp, cái căng thẳng riêng và những niềm vui rất bất ngờ, không dám hy vọng cứ theo chân nhau ùa đến. Một năm các cơ quan chính trị, tham mưu của quân khu cứ hoạt động đều đặn theo các mùa, hạ thu thì nhốn nháo xúm quanh các hội nghị quân chính lớn nhỏ, các lớp tập huấn. Còn đông xuân là mùa tác chiến, cán bộ các ban phòng lại thay nhau đi xuống các đơn vị theo dõi các hoạt động phối hợp với các chiến trường chính. Tháng mưa tháng nắng, mùa nóng mùa lạnh, thời gian cứ nhịp nhàng trôi đi dưới những tán cây, trong các dãy lán, sáng có chuyện sáng, tối có chuyện tối, ngày ngày giống nhau, thi thoảng lại rộ lên một chuyện vui, vợ anh này, mẹ anh kia từ trong vùng "tê", cả từ trong Hà Nội và Nam Định vừa ra hiện đang có mặt ở nhà khách. Có anh ở Ban Tuyên huấn vừa nhận được tin vợ ra mang theo cả thằng con lớn liền kêu lên thảm thiết: "Người đâu mà liều thế, đường xá xa xôi nguy hiểm lại còn đem theo cả trẻ con đi!" Ăn ở với nhau được mười ngày vợ con lại trở về Thành, một nửa năm vắng bật mọi tin tức, nhìn ông anh mà thương hại, cứ như người đã nhận án tử hình chỉ còn chờ ngày thi hành án. Đầu tháng 7 năm 1954, thành phố Nam Định được giải phóng, anh đeo ba lô lao về hướng đó ngay, làng của anh thuộc vùng ngoại vi của thành phố.

Tháng 3 năm 1954, phòng Chính trị phân công hẳn thêm một việc mới, sáng sáng sang phòng Tham mưu tới chỗ cơ yếu nhận tin mới nhất từ mặt trận Điện Biên về thuật lại cho anh em ở cơ quan, sau đó viết bản tin rồi đưa xuống nhà in, sáng hôm sau gửi nhanh xuống các đơn vị. Ngày 7 tháng 5, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, cả cơ quan làm bữa ăn tươi vào ngày hôm sau để ăn mừng. Ngày 21 tháng 7 Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Miên, Lào được ký kết. Lần đầu tiên hẳn đi đại tiện trên một mỏm đồi còn sót lại những gốc chè, lắng nghe tiếng máy bay Dakota từ xa, rồi nó bay ngang qua đầu, trong lòng vẫn yên tĩnh lạ thường, khoan khoái lạ thường, vì chiến tranh đã thuộc về ngày hôm qua. Cuối tháng 11 hẳn vào Hà Nội bằng xe taxi tư nhân từ thị xã Phủ Lý để tìm mẹ và em. Mẹ hẳn già hẳn, đang quấy hai cái xáo to bày trầu cau và những khúc vò đi tới thì gặp hẳn. Cứ nghĩ hai mẹ con đều phải oà khóc sau năm năm xa nhau trong chiến tranh mà rồi chả ai khóc cả, chân hẳn tự nhiên nhũn ra và mẹ hẳn cũng chỉ nói: "Anh đã về đấy à?", rồi bà cúi mặt xuống đứng nguyên tại chỗ một lúc mới lại bước tiếp. Hẳn cũng gặp lại em trai, nó đã cao bằng hẳn, người gầy mỏng như cây sậy, mặc quần áo nâu, chít khăn chữ bát làm sư bác ở chùa Hoè Nai. Tháng